| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN ĐỨC HÒA**<br>**TỈNH LONG AN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Bản án số: 270/2017/HNGĐ-ST<br>Ngày: 01-12-2017<br>V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn". | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đinh Tiền Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Chí Lin

Bà Lương Thị Hồng Thắm

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Đỗ Thị Như Ý là Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Long An.

Ngày 01 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1094/2017/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2017 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 356/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1978; (có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Thùy M, sinh năm 1990; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp N, xã Đ, huyện N, tỉnh Long An.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn M trình bày: ông và bà Nguyễn Thị Thùy M sống chung với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Long An vào ngày 20/7/2009. Ông và bà M sống chung với nhau được 08 năm. Thời gian đầu vợ chồng sống chung với nhau đầm ấm hạnh phúc. Đến năm 2016, ông và bà M phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng chung sống với nhau không còn hạnh phúc. Ông và bà M cũng đã không còn sống chung với nhau từ tháng 2 năm 2017 cho đến nay và không ai liên lạc với ai. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, không còn khả năng hàn gắn, nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà M.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống giữa ông và bà M có 01 con chung tên là Nguyễn Nhựt N, sinh ngày 26/5/2011, giới tính: Nam. Hiện tại, con

chung đang sống với bà M. Khi ly hôn, ông đồng ý để cho bà M được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản, nợ chung: Ông xác định giữa ông và bà M không có tài sản chung và không có nợ ai, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 10/11/2017, bị đơn là Nguyễn Thị Thùy M trình bày: Bà thống nhất với ông M về thời gian chung sống và việc đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, bà và ông M luôn phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Bà và ông M không còn sống chung với nhau từ đầu năm 2017 cho đến nay. Hiện tại, bà xác định tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, không còn khả năng hàn gắn. Nay ông M yêu cầu xin ly hôn với bà thì bà cũng đồng ý ly hôn.

Về nuôi con chung: Bà và ông M có 01 con chung tên Nguyễn Nhựt N, sinh ngày 26/5/2011. Hiện tại, con chung đang sống chung với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản và nợ chung: Bà xác định giữa bà và ông M không có tài sản chung và vợ chồng không có nợ ai, nên bà không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bà không có chứng cứ gì nộp cho Tòa án. Bà đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay: Bị đơn là bà Nguyễn Thị Thùy M vắng mặt. Nguyên đơn là ông Nguyễn Văn M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã trình bày.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Văn M khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bà Nguyễn Thị Thùy M. Bà M đang cư trú tại xã Đ, huyện H, tỉnh Long An. Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn – ông Nguyễn Văn M có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

[3] Bị đơn – bà Nguyễn Thị Thùy M có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà M theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Về hôn nhân: Ông M và bà M tự nguyện sống chung và đã đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 82/HT 2009 quyển số 01 đăng ký ngày 20/7/2009 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Long An cấp, nên hôn nhân giữa ông M và bà M là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét thấy, quá trình chung sống ông M và bà M có phát sinh mâu thuẫn và bà M đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ đầu năm 2017 cho đến nay. Bà M cũng có đơn đề nghị vắng mặt tại các buổi hòa giải của Tòa án và đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt, chứng tỏ bà M cũng không muốn hàn gắn tình cảm với ông M. Xét yêu cầu ly hôn của ông M đối với bà M vì cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài là có căn cứ và bà M cũng đồng ý ly hôn với ông M, nên Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông M và bà M là có thật và tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông M đối với bà M và áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014 cho ông M được ly hôn với bà M là phù hợp.

[4.2] Về nuôi con chung: Hiện tại, bà M đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Nhựt N, sinh ngày 26/5/2011. Tại phiên tòa, ông M cũng đồng ý để bà M tiếp tục nuôi dưỡng con chung; Bà M cũng có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con. Do đó, căn cứ vào ý kiến, nguyện vọng của các bên, nên Hội đồng xét xử giao con chung cho bà M được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện của bà M không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

[4.3] Về chia tài sản, về nợ chung: ông M và bà M đều xác định không có tài sản chung, không có nợ ai và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 228, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M về việc tranh chấp ly hôn với bà Nguyễn Thị Thùy M.

1. Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn M được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thùy M.

2. Về nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Thùy M được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Nhựt N, sinh ngày 26/5/2011, giới tính: Nam. Ông Nguyễn Văn M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn M phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà Nước, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí ông M đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001616 ngày 31/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Long An. Ông Nguyễn Văn M đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn ông Nguyễn Văn M có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy M vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được Tòa án tống đạt hợp lệ bản án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận***:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã Đ, huyện N, tỉnh Long An *(để ghi vào sổ hộ tịch)*;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Đinh Tiền Phương**